

LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG

● **NGUYỄN TIẾN HƯNG - NGUYỄN HỮU NGOAN**

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường liên kết trong sản xuất và tiêu thụ một số nông sản chủ lực tại tỉnh Tuyền Quang, bao gồm cam, mía, và chè. Kết quả cho thấy liên kết theo hợp đồng được thực hiện đối với các nông sản nguyên liệu và đã mang lại lợi ích cho cả doanh nghiệp và hộ nông dân. Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cam mới chỉ dừng lại chủ yếu ở thỏa thuận miệng giữa người sản xuất và người thu gom. Mặc dù các liên kết này đã mang lại một số lợi ích nhất định cho các bên, song còn tồn tại nhiều điểm yếu và bất cập, ảnh hưởng tới sức cạnh tranh của chuỗi giá trị nông sản chủ lực của tỉnh. Nghiên cứu cũng đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường các liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực của tỉnh Tuyền Quang.

Từ khóa: liên kết sản xuất, nông sản, tiêu thụ, tỉnh Tuyền Quang.

1. Đặt vấn đề

Một trong những yếu điểm trong chuỗi giá trị nông sản nước ta được đề cập thường xuyên chính là vấn đề thiếu liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm [2, 10]. Đặc biệt, một số nông sản đang mất cân đối lớn giữa lượng cung cầu trên thị trường, không gắn kết chặt chẽ với thị trường tiêu thụ dẫn đến dư thừa hàng hóa, thường xuyên phải “giải cứu” nông sản. Điều này làm cho giá trị gia tăng của sản xuất nông nghiệp giảm sút đáng kể, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường không tương xứng so với tiềm

năng nông nghiệp cả nước nói chung và của từng địa phương nói riêng [5, 7].

Liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản là những hoạt động tự nguyện, các bên thực hiện liên kết cùng có lợi, nhưng giữa các liên kết sẽ ràng buộc chặt chẽ với nhau theo một thỏa thuận trước của các chủ thể sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản, chịu sự chi phối của các chế định thể chế nhằm đạt được mục tiêu của các hoạt động tham gia liên kết [3-4, 8]. Để duy trì và phát triển các liên kết bền vững, vai trò của Nhà nước rất quan trọng [6, 9].

Tuyên Quang là một tỉnh miền núi phía Bắc, với ngành Nông nghiệp giữ vai trò quan trọng, chiếm 23,63% tổng giá trị sản xuất toàn tỉnh năm 2018 [1]. Các nông sản chủ lực của tỉnh bao gồm cây công nghiệp (chè, mía) và cây cam sành. Hiện nay, tại tỉnh Tuyên Quang đã có các doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất cùng với người dân trong sản xuất nông sản hàng hóa. Các doanh nghiệp này đã hỗ trợ người nông dân trong sản xuất cũng như thu mua nông sản. Tuy nhiên, hoạt động liên kết này vẫn chưa được đánh giá một cách đầy đủ. Nghiên cứu này nhằm làm rõ thực trạng về liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản chủ lực và đề xuất một số giải pháp tăng cường các liên kết này trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Chọn điểm nghiên cứu: huyện Hàm Yên, Sơn Dương, Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang được lựa chọn vì vùng sản xuất nông sản chủ lực tập trung của tỉnh Tuyên Quang.

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo của UBND tỉnh Tuyên Quang, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang, doanh nghiệp tham gia liên kết với nông dân. Số liệu sơ cấp được thực hiện thông qua điều tra ngẫu nhiên 300 hộ sản xuất bao gồm 100 hộ trồng mía, 100 hộ trồng cam và 100 hộ trồng chè.

2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp thống kê mô tả và so sánh được sử dụng để phân tích số liệu, với kiểm định t-test so sánh một số chỉ tiêu trung bình giữa nhóm hộ có và không có liên kết. Phân tích SWOT được áp dụng nhằm làm rõ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với các liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực tại tỉnh Tuyên Quang.

3. Thực trạng liên kết sản xuất, tiêu thụ các nông sản chủ lực ở tỉnh Tuyên Quang

3.1. Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm mía

Hiện nay, Công ty CP Mía đường Sơn Dương

(SONSUCO) đang ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với trên 10.000 hộ nông dân thông qua gần 1.000 chủ hợp đồng, trong đó có sự tham gia của các tổ chức khác như nhà nước, nhà khoa học, các tổ chức tín dụng, ngân hàng [1].

Liên kết này được thực hiện như sau: Công ty SONSUCO đầu tư cho hộ trồng mía về vốn, kỹ thuật sản xuất, làm đất, phân bón..., còn hộ trồng mía trồng và bán mía nguyên liệu cho Công ty. Mối quan hệ này có sự tham gia của Nhà nước, nhà khoa học, ngân hàng các tổ chức tín dụng và các tổ chức dân sự xã hội. Các hộ liên kết với Công ty có thể thông qua một trong hai hình thức: (i) các hộ trồng mía tự thỏa thuận và hình thành nhóm hộ để ký hợp đồng trồng và bán mía nguyên liệu cho Công ty và (ii) liên kết chính thức giữa Công ty và các hộ thông qua hợp đồng (1 năm). Người trồng mía có hợp đồng bán mía cho Công ty, mỗi 1 tấn mía thì được ứng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản là 300.000 đồng/tấn để đầu tư mua giống mía mới, cây bừa làm đất, phân bón, thuốc bệnh, thuê lao động chăm sóc, thu hoạch, vận chuyển. Lợi ích của các hộ khi được tham gia liên kết được các hộ đánh giá tốt và khá, với tỷ lệ lên đến trên 63% (tác giả điều tra).

Tính bền vững: So với các hộ không liên kết, các hộ thực hiện liên kết được hưởng nhiều lợi ích hơn, như: được hỗ trợ đầu vào, tập huấn kỹ thuật canh tác, chăm sóc, được bao tiêu sản phẩm với giá hợp đồng. Mặc dù vậy, trong trường hợp giá mía nguyên liệu tăng nhanh, một số hộ liên kết vẫn phá vỡ liên kết để bán mía với giá cao hơn cho các thương lái. Nhìn chung, số hộ vi phạm hợp đồng ít, do công ty có nhiều biện pháp như huy động các bên liên quan bao gồm các cơ quan, đoàn thể, ngân hàng... trong việc đảm bảo các hộ không vi phạm. Theo kết quả điều tra, có 20% số hộ dân đánh giá doanh nghiệp thì thoả mãn mới thực hiện đúng cam kết khi giá thị trường biến động (giảm) là do giá đường trong nước hiện cao hơn giá đường mía nhập khẩu, dẫn đến việc doanh nghiệp chưa thanh toán kịp thời cho người dân.

Về hiệu quả kinh tế: Kết quả điều tra cho thấy tổng chi phí cho 1 ha mía khoảng 16,67 triệu đồng, trong đó đối với các hộ liên kết với nhà máy thì khoảng 60% tổng chi phí được hỗ trợ bởi SONSUCO. Các hộ liên kết có sản lượng cao hơn một cách đáng kể so với hộ không liên kết.

Kết quả liên kết giữa các nông hộ với Công ty CP Mía đường Sơn Dương cũng cho thấy thu nhập hỗn hợp tại các hộ tham gia liên kết là 17,43 tr.đ/ha, bên cạnh đó đối với nhóm hộ không liên kết là 16,57 tr.đ/ha.

Giá trị gia tăng tại các hộ tham gia liên kết là 38,43 tr.đ/ha, bên cạnh đó đối với nhóm hộ không liên kết là 37,26 tr.đ/ha.

3.2. Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cam

So sánh lợi ích của nhóm hộ liên kết và nhóm hộ không liên kết cho thấy tính bền vững trong liên kết giữa doanh nghiệp và các hộ trồng cam tại Tuyên Quang. Các hộ liên kết được hỗ trợ đầu vào hỗ trợ kỹ thuật canh tác, chăm sóc, thu hoạch và bao tiêu sản phẩm theo thỏa thuận. Đối với các hộ không liên kết thì không được hưởng các hỗ trợ trên, tuy nhiên một số hộ vẫn được hưởng lợi từ doanh nghiệp bởi các hoạt tập huấn kỹ thuật canh tác, chăm sóc và thu hoạch. Tuy nhiên, hiện nay, do thị trường tiêu thụ cam chưa được ổn định dẫn đến giá cam còn nhiều biến động, gây ra những khó khăn khi thực hiện liên kết, nên tỷ lệ các hộ tham gia liên kết đạt thấp.

Về hiệu quả kinh tế, kết quả liên kết giữa các nông hộ trồng cam cho thấy các nông hộ trồng cam đang tham gia cả hoạt động liên kết và không liên kết. Trong đó, diện tích đất canh tác của các nông hộ có liên kết nhiều hơn so với nông hộ không liên kết với mức ý nghĩa thống kê 10%. Các yếu tố năng suất bình quân và sản lượng bình quân của những nông hộ liên kết cũng đều cao hơn các nông hộ không liên kết với mức ý nghĩa thống kê là 10%.

Đồng thời, kết quả điều tra cũng cho thấy do chưa có các liên kết chặt chẽ giữa nông hộ trồng cam với thị trường mà hầu hết phải qua các khâu trung gian bán buôn, bán lẻ.

3.3. Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chè

Đối với cây chè, hiện nay có các doanh nghiệp lớn đang liên kết sản xuất và thu mua chè của hộ nông dân. Qua khảo sát thực tế điều tra cho thấy, hiện nay, tại các công ty cổ phần, hợp tác xã chế biến chè trên địa bàn tỉnh đều đang tiến hành hỗ trợ người dân từ kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ thực vật, thu hái,... điều này dẫn đến chất lượng chè cao, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Về hình thức thực hiện mối liên kết giữa các doanh nghiệp và hộ dân trồng chè như sau: *Một là*, liên kết thông qua hợp đồng và được tổ chức sản xuất tập trung trong một số khâu sản xuất chè như làm đất, bón phân, phun thuốc, thu hoạch cho toàn bộ một khu vực (bao gồm nhiều hộ làm chè). *Hai là*, sự liên kết giữa doanh nghiệp và nông hộ đơn thuần. Tại đây, doanh nghiệp hỗ trợ đầu vào như giống chè, phân bón, thuốc trừ sâu và được chậm thanh toán cho đến khi thu hoạch chè.

Tính bền vững của liên kết trong sản xuất và tiêu thụ chè cho thấy các hộ liên kết được hỗ trợ đầu vào và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm. Kết hợp với công nghệ chế biến chè hiện đại đã giúp xây dựng thương hiệu chè Tuyên Quang và xuất khẩu ra các thị trường nước ngoài.

Về hiệu quả kinh tế của hình thức liên kết trong sản xuất và tiêu thụ chè tại Tuyên Quang, kết quả liên kết giữa các nông hộ trồng chè đó là: Năng suất của nhóm hộ liên kết đạt 17,84 tấn/ha và nhóm hộ không tham gia liên kết là 16,23 tấn/ha, với tổng doanh thu bình quân giữa hai nhóm hộ thực hiện liên kết và không liên kết lần lượt là 117,21 tr/ha và 101,3tr/ha.

Đồng thời, kết quả điều tra cũng cho thấy, diện tích đất canh tác của các hộ có liên kết nhiều hơn

so với hộ không liên kết với mức ý nghĩa thống kê 5%. Các yếu tố sản lượng bình quân, doanh thu bình quân và giá trị gia tăng của những hộ liên kết cũng đều cao hơn các hộ không liên kết với mức ý nghĩa thống kê là 5%. Cụ thể đối với nhóm hộ liên kết, giá trị gia tăng là 76,67tr/ha và nhóm hộ không liên kết là 57,95tr/ha.

4. Phân tích SWOT đối với các nông sản chủ lực của tỉnh Tuyên Quang

Trên cơ sở bảng phân tích ma trận SWOT, ta có cơ sở đề xuất một số chiến lược để vượt qua điểm yếu và thách thức như sau:

Chiến lược SO: Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; Tổ chức sản xuất thông qua việc liên kết giữa các tác nhân nhằm khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh; Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Chiến lược ST: Tăng cường áp dụng kỹ thuật sản xuất để tăng năng suất và hạ giá thành; Tăng cường công tác kết nối thông tin thị trường với các hộ dân sản xuất; Tổ chức lại hệ thống phân phối theo hướng rút ngắn kênh thông tin thị trường.

Chiến lược WO: Tận dụng chính sách hỗ trợ của Nhà nước để đầu tư hạ tầng phát triển sản xuất; Tăng cường liên kết sản xuất để hạn chế tình trạng phát triển tự phát, thiếu quy hoạch.

Chiến lược WT: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch và sản xuất nhằm hạn chế tình trạng biến động giá cả và hạn chế dịch bệnh; Tăng cường liên kết ngang giữa các nông hộ và liên kết dọc trong tiêu thụ sản phẩm để rút ngắn các khâu trung gian phân phối và hạn chế tình trạng tranh mua, tranh bán gây bất lợi cho người sản xuất.

5. Một số gợi ý chính sách từ kết quả nghiên cứu

Thứ nhất, đối với hoạt động sản xuất tiêu thụ cam: Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm

cam; Tổ chức sản xuất thông qua việc liên kết các nhà sản xuất nhằm khai thác lợi thế về mùa vụ, điều kiện tự nhiên; Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tăng cường áp dụng kỹ thuật sản xuất để tăng năng suất và hạ giá thành; Tăng cường công tác kết nối thông tin thị trường với các hộ dân sản xuất; Tổ chức lại hệ thống phân phối theo hướng rút ngắn kênh thông tin thị trường. Tận dụng chính sách hỗ trợ của Nhà nước để đầu tư hạ tầng phát triển sản xuất; Tăng cường liên kết sản xuất để hạn chế tình trạng phát triển tự phát, thiếu quy hoạch. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch và sản xuất cam nhằm hạn chế tình trạng biến động giá cả và hạn chế dịch bệnh; Tăng cường liên kết ngang giữa các hộ nông dân và liên kết dọc trong tiêu thụ sản phẩm để rút ngắn các khâu trung gian phân phối và hạn chế tình trạng tranh mua, tranh bán gây bất lợi cho người sản xuất.

Thứ hai, đối với hoạt động sản xuất và tiêu thụ mía: Trong những niên vụ tiếp theo, Công ty cổ phần Mía đường Sơn Dương cần bố trí phương tiện để vận chuyển tránh tình trạng mía của người dân thu hoạch không được vận chuyển ngay giảm chất lượng; thực hiện thanh toán đầy đủ cho bà con theo đúng hợp đồng. Mặt khác, Công ty cổ phần Mía đường Sơn Dương cần có cam kết tổ chức thu mua hết diện tích mía cho người dân; hỗ trợ máy móc, phương tiện, vật tư cải tạo đất trồng mới, trồng lại diện tích.

Thứ ba, đối với hoạt động sản xuất và tiêu thụ chè: Khuyến khích các doanh nghiệp chế biến sâu, tạo ra nhiều sản phẩm chè đa dạng, nâng cao được giá trị gia tăng, từ đó nâng được giá mua chè nguyên liệu cho các nông hộ.

6. Kết luận

Liên kết sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm trồng trọt chủ yếu ở tỉnh Tuyên Quang đã thể hiện được một số ưu điểm và đang phát triển theo hướng tích cực trong những năm tới. Liên kết sẽ

tạo ra những hình thức tổ chức sản xuất mới tiến bộ hơn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, các nhà đầu tư có điều kiện để hỗ trợ, giúp đỡ và chia sẻ những nguồn lực quan trọng với người nông dân sản xuất, từ đó người sản xuất cũng tiếp cận và làm quen với cách ứng xử trước những yêu cầu của thị trường.

Tăng cường liên kết còn góp phần làm thay đổi các phương pháp quản lý và chỉ đạo sản xuất của các cơ quan, các ngành chức năng của tỉnh Tuyên Quang nhằm thúc đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị

gia tăng và phát triển các chuỗi giá trị nông sản đạt hiệu quả ngày càng cao như mía đường, cam sành, chè là những nông sản chủ yếu. Tuy vậy, để giải quyết những khó khăn, bất cập trong thực hiện liên kết, tỉnh Tuyên Quang cũng cần nhanh chóng tổ chức lại các hình thức sản xuất của hộ nông dân. Xây dựng các mô hình HTX hoặc tổ hợp tác để liên kết các nông hộ, hình thành tác nhân chủ yếu trong mối liên kết với các doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản, giảm mạnh tác nhân trung gian để tăng hiệu quả cho toàn bộ chuỗi liên kết ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang, (2018). Báo cáo kết quả công tác chỉ đạo điều hành phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp.
2. Hoàng Thị Hồng Quế & Trần Nam Thắng (2017). Nghiên cứu hiện trạng phân bố và chuỗi cung ứng tre tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạp chí Khoa học-Đại học Huế, 126 (3B), 75-85.
3. Hoàng Vũ Quang (2018). Liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở chăn nuôi trong sản xuất và tiêu thụ lợn thịt ở một số tỉnh của Việt Nam. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 16(3), 282-289.
4. Hồ Thanh Thủy (2017). Vai trò của liên kết trong sản xuất nông sản. Tạp chí Giáo dục lý luận, 269(2), 269-271.
5. Nguyễn Đình Phúc & cs., (2017). Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ mía nguyên liệu của các hộ trồng mía với công ty mía đường nhiệt điện Gia Lai. Tạp chí Khoa học-Đại học Huế, 126 (5A), 43-61.
6. Nguyễn Việt Tuấn (2012). Nghiên cứu đặc điểm và mối liên kết của các tác nhân trong chuỗi giá trị sắn ở Thừa Thiên Huế. Tạp chí Khoa học-Đại học Huế, 72 (2), 299-308.
7. Phạm Thị Thuỳên & cs., (2020). Quyết định tham gia hợp đồng liên kết trong sản xuất lúa của nông hộ tại tỉnh An Giang. Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ, 56(4D), 256-265.
8. Trần Minh Vĩnh & Phạm Văn Đình (2014). Một số giải pháp phát triển hợp đồng liên kết sản xuất - tiêu thụ lúa gạo ở tỉnh Đồng Tháp. Tạp chí Khoa học và Phát triển, 12(6), 844-852.
9. Trần Cao Úy & Nguyễn Thị Thu Thảo (2017). Mối liên kết trong sản xuất và tiêu thụ rau màu tại phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạp chí Khoa học-Đại học Huế, 126 (3B), 145-156.
10. Vũ Thị Hằng Nga & Trần Hữu Cường (2020). Một số lý luận về liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 18(3), 230-237.

Ngày nhận bài: 13/8/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 27/8/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 14/9/2023

Thông tin tác giả:

1. NGUYỄN TIẾN HƯNG¹

2. NGUYỄN HỮU NGOAN²

¹NCS Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

²Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

LINKAGES BETWEEN PRODUCTION AND CONSUMPTION OF SOME KEY AGRICULTURAL PRODUCTS IN TUYEN QUANG PROVINCE

● **NGUYEN TIEN HUNG¹**

● **NGUYEN HUU NGOAN²**

¹Postgraduate, Faculty of Economics and Rural Development,
Vietnam National University of Agriculture

²Faculty of Economics and Rural Development,
Vietnam National University of Agriculture

ABSTRACT:

This study analyzes the current situation and proposes some solutions to strengthen linkages between production and consumption of some key agricultural products, including oranges, sugarcane, and tea, in Tuyen Quang province. The study finds that the implementation of linkages based on contracts for raw agricultural products has brought benefits to both businesses and farming households. The linkages between production and consumption of oranges are mainly made by verbal agreements between producers and traders. Although these linkages have brought certain benefits to stakeholders, there are many weaknesses and inadequacies affecting the competitiveness of Tuyen Quang province's key agricultural value chains. This study proposes a number of solutions to strengthen linkages between production and consumption of key agricultural products in Tuyen Quang province.

Keywords: linkage, agricultural product, consumption, Tuyen Quang province.